

Bài báo nghiên cứu**HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỚI MỘT SỐ NƯỚC LÁNG GIỀNG
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)***Nguyễn Thị Ngọc Trân*, Nguyễn Thị Hương**Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam***Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ngọc Trân – Email: tranntn.hcmue@gmail.com**Ngày nhận bài: 09-6-2021; ngày nhận bài sửa: 09-7-2021, ngày chấp nhận đăng: 22-7-2021***TÓM TẮT**

Sau năm 1945, song song với quá trình đấu tranh chống Pháp xâm lược, việc thiết lập và mở rộng quan hệ quốc tế nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước trên thế giới đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là rất quan trọng. Bằng các phương pháp nghiên cứu lịch sử – logic và phân tích, khảo cứu tư liệu, bài viết trình bày cơ bản hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với một số nước láng giềng trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954) nhằm làm rõ đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Người trong hoạt động đối ngoại. Những hoạt động này nhằm mục đích hình thành liên minh chiến đấu Việt – Miên – Lào và đạt được sự ủng hộ của Trung Quốc cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: kháng chiến chống Pháp; hoạt động ngoại giao; Hồ Chí Minh; láng giềng;

1. Đặt vấn đề

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chấm dứt gần một nghìn năm chế độ phong kiến và gần 100 năm chế độ thuộc địa trên đất nước ta, mang lại quyền tự do bình đẳng cho tất cả con người Việt Nam. Thế nhưng, nước Việt Nam vừa mới ra đời đã gặp muôn vàn khó khăn, một lúc phải đương đầu với nhiều loại giặc “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”, có lúc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Chính quyền cách mạng vừa được thành lập, lực lượng cách mạng rất yếu, bị cô lập bao vây tứ phía, chưa được quốc gia nào công nhận, chưa thiết lập quan hệ ngoại giao ngay cả với các nước láng giềng. Vì vậy, để khắc phục những khó khăn trên, ngoài sự đoàn kết của toàn dân thì chính sách đối ngoại có vai trò rất quan trọng trong việc khắc phục những khó khăn của đất nước. Nội dung bài viết tập trung làm rõ hoạt động ngoại giao với một số nước láng giềng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống

Cite this article as: Nguyen Thi Ngoc Tran, & Nguyen Thi Huong (2021). President Ho Chi Minh's diplomatic activities with neighboring countries in the anti – French war (1945-1954). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(7), 1277-1288.

Pháp (1945-1954), cụ thể hoạt động ngoại giao với các nước: Lào, Campuchia và Trung Quốc nhằm làm rõ ý nghĩa, tác dụng của việc thiết lập ngoại giao với các nước láng giềng đối với cuộc kháng chiến kiến quốc của dân tộc Việt Nam.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Bối cảnh quốc tế và tình hình Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954

2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Khi chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc (năm 1945), hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới hình thành với sự ra đời của một loạt nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và lan rộng sang Mĩ Latin, trở thành một dòng thác cách mạng đánh đổ chủ nghĩa thực dân.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), nước Mĩ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí và trở thành cường quốc hàng đầu trên thế giới, là chủ nợ của các nước Tây Âu. Ở Trung Quốc, chính quyền Tưởng Giới Thạch thất bại nặng nề trước quân giải phóng của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại 11 tỉnh sau Hiệp định ngày 10/10/1945, buộc phải kí với Đảng Cộng sản Trung Quốc hiệp định mới ngày 10/01/1946 và mở Hội nghị Chính trị hiệp thương Quốc – Cộng. Sự phân hóa sau chiến tranh và tập hợp lực lượng mới trên thế giới và ở Viễn Đông tác động phức tạp tới tình hình Việt Nam, nơi nhiều nước lớn liên quan ở những mức độ khác nhau, và quân đội các nước Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật.

Từ năm 1950 trở đi, Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào các nước ở bán đảo Đông Dương. Anh lo sợ trước thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến các nước thuộc địa và phụ thuộc ở Đông Nam Á, nên tích cực ủng hộ Mĩ giúp Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Cuộc chiến tranh tại Việt Nam không còn là của riêng nước Pháp, mà đã trở thành vấn đề của cả phe đế quốc do Mĩ cầm đầu. Ngày 23/02/1950, Mĩ ép Pháp kí hiệp ước phòng thủ năm bên gồm Mĩ, Pháp, và ba “quốc gia liên kết” trong Liên hiệp Pháp là Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại, Campuchia và Lào. Hiệp ước phòng thủ này trao cho Mĩ quyền trực tiếp điều hành viện trợ của Mĩ cho các “chính phủ liên kết” ở Đông Dương. Do đó, vai trò của Mĩ trong chiến tranh được chính thức hóa; các chính quyền thân Pháp nay phụ thuộc nhiều hơn vào Mĩ.

Trong những năm 1951-1954, Mĩ tăng cường viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp để nước này chi phí cho cuộc chiến tranh đang diễn ra ở Đông Dương nhằm giữ chân Pháp tại Đông Dương. Như vậy, Mĩ đã lộ rõ âm mưu xâm lược Việt Nam, nhưng hiện tại chưa phải là thời cơ chín muồi cho Mĩ thay thế hoàn toàn Pháp lúc này. Bằng viện trợ về kinh tế và quân sự, mục đích của Mĩ nhằm vực Pháp trở nên mạnh mẽ ở Đông Dương, tạo điều kiện cho Mĩ chuẩn bị các yếu tố khác cần thiết và chắc chắn hơn.

2.1.2. Tình hình Việt Nam giai đoạn 1945-1954

Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam thành công dẫn đến sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Thế nhưng, lúc này, đất nước gặp muôn vàn khó khăn, một lúc phải đương đầu với nhiều loại giặc. Chính quyền cách

mạng vừa được thành lập, lực lượng cách mạng còn rất yếu, bị cô lập bao vây tứ phía, lại phải chống chọi cùng một lúc với nhiều thù trong giặc ngoài. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng dưới danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra. Theo chân chúng là bọn phản động Việt Cách và Việt Quốc, do chính quyền Tưởng Giới Thạch thu nạp và nuôi dưỡng từ lâu. Trong miền Nam, 26 nghìn quân Anh – Ấn cũng đã vào để giải giáp quân đội Nhật.

Nhằm trao một số quyền lợi cho Pháp ở Đông Dương, ngày 09/10/1945, Anh đã kí với Pháp hiệp định chính thức công nhận chính quyền dân sự của Pháp tại Đông Dương. Tiếp theo đó, ngày 01/01/1946, Anh trao quyền cho Pháp giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16. Ở miền Nam, lực lượng của Pháp ở Nam Bộ lúc này có 1500 lính là tù binh của Nhật đã được trả tự do, có trang bị vũ trang và đạo quân viễn chinh mới được Pháp gấp rút đưa vào. Sự có mặt của hơn 30 vạn quân đội nước ngoài thuộc bốn thế lực đối địch với cách mạng Việt Nam (Anh, Pháp, Nhật, Tưởng) đã tạo sự chênh lệch lớn trong cán cân lực lượng, gây nhiều bất lợi cho cách mạng nước ta. Lợi dụng tình hình Nam Bộ chưa ổn định, ngày 23/9/1945, Pháp nổ súng đánh chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ tại Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Ở miền Trung và Bắc Việt Nam, nạn đói vẫn tiếp tục hoành hành khắp nơi. Nhà nước cách mạng trẻ ra đời trong tình trạng tài chính kiệt quệ, ngân sách trống rỗng, hơn 95% dân số mù chữ. Hệ thống ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp. Quân đội của Tưởng Giới Thạch cho lưu hành đồng tiền mất giá của Trung Quốc, tự ý quy định tỉ giá tiền quan kim và tiền Đông Dương, làm lũng đoạn thị trường miền Bắc. Tình hình trên được xem là quốc nạn đối với một quốc gia mới giành độc lập. Trong báo cáo của Pignon gửi Cao ủy Đacgiăngliơ ngày 28/10/1945, cố vấn chính trị của Cao ủy Pháp ở Đông Dương đã nhận xét: “Chính quyền cách mạng Việt Nam ra đời ‘không đồng minh, không tiền, hầu như không vũ khí’” (Nguyen, 2005, p.47).

Sau khi Pháp – Tưởng kí với nhau Hiệp ước Trùng Khánh ngày 28/02/1946 với thỏa thuận liên quan đến Việt Nam, Ban Thường vụ Trung ương nhận định trong Chỉ thị ngày 03/3/1946 “Hiệp ước Hoa – Pháp không phải là chuyện riêng của Tàu và Pháp. Nó là chuyện chung của phe đế quốc và bọn tay sai của chúng ở thuộc địa. Dù nhân dân Đông Dương muốn hay không muốn, nhất định chúng cũng thi hành Hiệp ước ấy” (Nguyen, 2005, p.47).

Trước hoàn cảnh đất nước như trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng một mặt lãnh đạo đồng bào Nam Bộ kháng chiến, mặt khác ra sức củng cố và phát triển đảng, gây dựng nội lực, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao trong tình thế bị bao vây cô lập. Hoạt động ngoại giao với các nước láng giềng thời kì này được chú trọng hơn cả, nhằm hình thành liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào – Campuchia và kết nối với Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cuộc chiến chống kẻ thù chung là Pháp.

Ngày 14/01/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tuyên bố:

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam. Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới. (Ho, 2011, p.310-311)

Sau tuyên bố này, bằng các hình thức khác nhau, đặc biệt chú trọng tới công tác đối ngoại, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được nhiều nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Họ ủng hộ về kinh tế và chính trị cho Việt Nam kháng chiến chống Pháp.

2.2. Hoạt động ngoại giao tiêu biểu với một số nước láng giềng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

2.2.1. Đường lối và mục đích hoạt động ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Trong hoàn cảnh phải đối mặt với thù trong giặc ngoài, Đảng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn giữa các bên đối phương có mặt ở nước ta, “tránh các trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng đồng minh... chỉ có thực lực của ta mới quyết định được thắng lợi giữa ta và Đồng minh” (Communist Party of Vietnam, 2000, p.427). Do đó, phải hòa hoãn với quân Tưởng, khôn khéo tránh xung đột, thực hiện khẩu hiệu “Hoa – Việt thân thiện”, dựa vào sự ủng hộ, bảo vệ của toàn dân đối với chính quyền nhân dân mà làm thất bại âm mưu của quân Tưởng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói “Ta cân nhắc kỹ lợi hại, chọn cái nào ít hại nhất thì làm. Nếu không ta bị kẹp giữa hai kẻ thù là bọn thực dân Pháp xâm lăng và bọn quân phiệt Tưởng” (Vu, 2010, p.87).

Cuối tháng 12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi lời kêu gọi tới Liên Hiệp Quốc và Hội đồng bảo an, nêu rõ nguồn gốc, tình hình cuộc chiến ở Đông Dương và đề nghị ủng hộ văn hòa bình ở Việt Nam. Trình bày chính sách ngoại giao cởi mở của Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định:

1. Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền.
2. Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực.
 - a. Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài, trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.
 - b. Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hợp Quốc... (Ho Chi Minh, 2011, p.523).

Như vậy, thông qua chính sách đối ngoại nêu trên cho thấy tư tưởng tiến bộ của Người trong việc sẵn sàng mở rộng mối quan hệ với các nước dân chủ và các nhà đầu tư tư bản nước ngoài, đồng thời Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hiệp Quốc nhằm phát triển kinh tế của Việt Nam.

Trong quan hệ với các nước của phe Đồng minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng chính sách ngoại giao khôn khéo là tránh một lúc phải đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Tàu, Mĩ, Anh, Pháp) tràn vào nước ta và thực hiện chính sách ngoại giao thêm bạn, bớt thù, phân hóa kẻ thù giữa quân Tưởng và quân Pháp. Ngày 16/7/1947, trả lời một tờ báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu các quan điểm về chính sách đối ngoại hữu nghị và hợp tác của Việt Nam, Người khẳng định: “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai. Việt Nam sẽ hợp tác với mọi nước vui lòng hợp tác thật thà và bình đẳng với Việt Nam” (Nguyen, 2005, p.105).

Sự kiện này cho thấy quan điểm cởi mở trong chính sách đối ngoại của người đứng đầu nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đó là Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và sẵn sàng hợp tác với tất cả các nước trên thế giới nhưng phải tôn trọng độc lập chủ quyền của Việt Nam. Điều này cho thấy tư tưởng tiến bộ và yêu chuộng hòa bình của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở những đường lối chính sách nêu trên, những hoạt động ngoại giao của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong giai đoạn 1945-1954 nhằm mục đích sau:

- Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng, có thêm đồng minh chống kẻ thù xâm lược.
- Phá vòng vây cô lập của kẻ thù và thiết lập quan hệ với các nước láng giềng.
- Đẩy nhanh tổ chức hội nghị quốc tế ở Đông Dương về chấm dứt chiến tranh.

Với những mục đích như trên, ngoại giao Việt Nam thời kì này được xem như là mặt trận. Mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự là hai mũi giáp công đưa cuộc kháng chiến chống Pháp nhanh chóng kết thúc vào năm 1954.

2.2.2. Hoạt động ngoại giao tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh với một số nước láng giềng trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

a) Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Trung Quốc

Sau Cách mạng tháng Tám, trong những năm đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo xử lí quan hệ với Quốc dân Đảng cũng như tìm cách kết nối quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Để vô hiệu mặt tiêu cực của “Hoa quân nhập Việt” và chống lại chủ trương “diệt cộng cầm Hồ” mà lực lượng Tưởng Giới Thạch đề ra khi vào Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu khẩu hiệu “Hoa – Việt thân thiện” và thực hiện hòa hoãn với các sách lược mềm mỏng và bình tĩnh mà Người còn gọi là “chính sách Câu Tiễn” (Nguyen, 2005, p.55).

Việt Nam đẩy mạnh quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong phe chủ nghĩa xã hội. Ngày 01/10/1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập. Sự kiện này tạo ra bước ngoặt trong tình hình châu Á và thế giới, ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Dương. Ngày 05-12-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện tới Chủ tịch Mao Trạch Đông, chúc mừng sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Bức điện có đoạn: “Hai dân tộc Việt – Hoa có mối quan hệ anh em trải qua

mấy nghìn năm lịch sử. Từ đây, mối quan hệ ấy sẽ ngày càng mật thiết để phát triển tự do và hạnh phúc của hai dân tộc ta, và bảo vệ dân chủ thế giới và hòa bình lâu dài” (Nguyễn, 2014, tr.35). Cùng với việc gửi điện chúc mừng, ngày 15/01/1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đến ngày 18/01/1950, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việc Trung Quốc công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một sự kiện quan trọng đối với ta, mở ra hàng loạt các thắng lợi ngoại giao khi các quốc gia khác lần lượt công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân Việt Nam. Với thắng lợi ngoại giao đầu năm 1950, Việt Nam đã phá vỡ thế bao vây cô lập của kẻ thù, mở rộng ngoại giao với các nước trên thế giới. Thông qua sự kiện này, vị trí pháp lí của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được khẳng định một cách chính thức, được thừa nhận là quốc gia có chủ quyền, là thành viên phe xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đẩy mạnh quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, trong năm 1950, quân đội Việt Nam phối hợp với quân giải phóng bạn tiêu diệt các cứ điểm và lực lượng còn lại của Tưởng Giới Thạch ở khu vực biên giới hai nước. Tháng 4/1951, Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ở Bắc Kinh, và tiếp theo đó, Việt Nam mở hai biện xứ ở Hoa Nam (Trung Quốc). Bên cạnh đấu tranh về mặt ngoại giao, các hoạt động quân sự trên chiến trường cũng thu được kết quả lớn. Quân đội Việt Nam giành được nhiều thắng lợi trên các mặt trận, buộc Pháp phải co cụm về cứ điểm Điện Biên Phủ.

Dù không tham gia trực tiếp trong đoàn đại biểu dự Hội nghị Geneva về Đông Dương, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những cuộc gặp riêng với các nhà lãnh đạo Trung Quốc và Liên Xô về những vấn đề xoay quanh hội nghị. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Chu Ân Lai gặp tại Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây, từ ngày 03-05/7/1954, đề cập những nội dung quyết định của giải pháp. Thông qua cuộc hội đàm giữa hai nhà lãnh đạo Việt – Trung, cho thấy ngoại giao Việt Nam trong giai đoạn 1950-1953 đã thể hiện đường lối độc lập tự chủ trong việc muốn phân rõ giới tuyến theo chiều hướng có lợi cho đất nước. Tuy vẫn còn hội ý và xin ý kiến từ các nước anh em (Liên Xô – Trung Quốc), nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn rõ ý đồ của Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế, nhất là vấn đề Đông Dương trong cuộc trao đổi với các nước đế quốc xung quanh Hiệp định Geneva sắp diễn ra.

Tóm lại, chúng ta không thể phủ nhận sự ủng hộ quý báu của Trung Quốc trong những năm 1950-1954 về vật chất và tinh thần đối với Việt Nam. Với sự giúp đỡ này, Việt Nam có thêm hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Pháp, là một trong những nhân tố đưa cuộc chiến của Pháp sớm kết thúc tại chiến trường Việt Nam.

b) Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Lào và Campuchia

Nhận rõ tầm quan trọng của sự đoàn kết giữa hai dân tộc (Lào – Campuchia) trong hình thành liên minh chiến đấu chống Pháp xâm lược. Sau ngày nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa được thành lập (02/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh từng bước thắt chặt quan hệ Việt Nam – Lào – Campuchia thêm bền vững.

Trong quan hệ với Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đại diện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sang thiết lập quan hệ với Chính phủ Lào. Người mời Hoàng thân Souphanouvong đang ở Vinh ra Hà Nội và tiếp Hoàng thân vào ngày 04/9/1945. Cuộc gặp gỡ đã có tác động mạnh mẽ, quyết định đối với Hoàng thân trong việc chọn lựa con đường làm cách mạng. Ngày 03/10/1945, tại cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân tỉnh Savannakhet đón chào Hoàng thân Souphanouvong trở về tham gia chính phủ Lào và tuyên bố: “Quan hệ Lào – Việt từ nay sẽ mở ra một kỉ nguyên mới” (Communist Party of Vietnam, 2017, p.12).

Ngày 14/10/1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gửi điện chúc mừng, tuyên bố công nhận Chính phủ Lào và đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Ngày 30/10/1945, Hiệp ước liên minh quân sự giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Lào Itxala được kí kết (Dang, 2004, p.43).

Trong quan hệ với Campuchia, với phương châm “Giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình” (Ho, 2011, p.105), Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn làm hết sức mình để giúp đỡ phong trào cách mạng ở Campuchia. Nhằm đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động phối hợp chống kẻ thù chung, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương gấp rút tăng cường và kiện toàn các đơn vị bộ đội tình nguyện Việt Nam giúp Campuchia xây dựng các căn cứ địa, làm chỗ dựa vững chắc cho lực lượng cách mạng và giúp Campuchia xây dựng, phát triển cơ sở Đảng, đồng thời phân công cán bộ chuyên trách theo dõi tình hình kháng chiến ở Campuchia. “Một số đội vũ trang của kiều bào yêu nước từ nước ngoài về đã được tổ chức lại và đi vào hoạt động. Các đơn vị này đã tiếp xúc được với dân, đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền mở rộng cơ sở” (Dang, 2004, p.148).

Với sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước trong cuộc chiến chống kẻ thù chung, Chủ tịch Chính phủ Campuchia giải phóng gửi thư tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, tỏ lòng “tin tưởng vào sự thắng lợi cuối cùng của nhân dân Campuchia và kêu gọi sự giúp đỡ của nhân dân Việt Nam” (Ho Chi Minh Institute, 1994, p.145). Trong thư trả lời ngày 12/12/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Các dân tộc ta, đã sẵn có một tinh thần tranh đấu cao, lại gắng đi tới một sự cộng tác chặt chẽ, thì thắng lợi thế nào cũng về ta, và chúng ta nhất định sẽ giành được độc lập” (Ho, 2011, p.47).

Đánh giá cao vị trí của chiến trường Campuchia đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc xây dựng mối quan hệ và phối hợp chiến đấu giữa nhân dân hai nước. Đầu tháng 02/1948, trong buổi làm việc với đoàn cán bộ Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu phái đoàn báo cáo về những chủ trương và hoạt động cụ thể của Xứ ủy Nam Bộ để phối hợp với lực lượng kháng chiến Campuchia. Người nhắc nhở cần giúp đỡ lực lượng kháng chiến Campuchia, đẩy mạnh hoạt động hơn nữa để hỗ trợ cho chiến trường Nam Bộ (Dang, 2004, p.149).

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết chặt chẽ với hai dân tộc Campuchia, Lào trong cuộc kháng chiến giành độc lập, cùng Việt Nam giải phóng Đông Dương. Trong Hội nghị cán bộ về công tác đoàn kết giúp đỡ phong trào kháng chiến Lào và Campuchia (ngày 15/02/1949), Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra bốn phương châm của công tác quốc tế với nước bạn:

1. Không đứng trên lợi ích Việt Nam mà làm công tác Lào – Miên.
2. Nắm chắc nguyên tắc dân tộc tự quyết, phải do Lào, Miên tự quyết định lấy.
3. Không đem chủ trương, chính sách, nguyên tắc của Việt Nam ứng dụng vào Lào, Miên như lắp máy.
4. Cần giúp đỡ Lào, Miên để bạn tự làm lấy. (Nguyen, 2005, p.112).

Trong năm 1949, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quốc tế giúp bạn Lào phát triển các căn cứ ở phía Thượng, Trung, Hạ Lào và căn cứ Bôlôven; giúp bạn Campuchia mở rộng căn cứ, tiến tới nối liền căn cứ Đông Nam và Đông Bắc. Với sự giúp đỡ của Đảng và Chính phủ Việt Nam, cho đến cuối năm 1949, “Tại Campuchia, các khu căn cứ địa đã được hình thành, lực lượng kháng chiến của nhân dân hai nước tăng lên đáng kể, thế trận cuộc cách mạng trên bán đảo Đông Dương đã được hình thành và phát huy sức mạnh” (Dang, 2004, p.155).

Trong bài trả lời phỏng vấn của nhà báo Pháp Lêô Phigê (tháng 9/1950), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Ba nước sẽ bang giao với nhau trên nguyên tắc bình đẳng hoàn toàn và tôn trọng độc lập quốc gia của nhau” (Ho, 2011, vol.6, p.436). Tháng 02/1951, Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại Tuyên Quang. Trong điều kiện lịch sử mới ở Việt Nam và Đông Dương, Đại hội chủ trương Đảng ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Lào và Campuchia mỗi nước lập đảng cách mạng riêng, phù hợp với điều kiện của từng nước. Văn kiện Đại hội nêu rõ: “Đảng Lao động Việt Nam có nghĩa vụ giúp đỡ các đồng chí và những tổ chức cách mạng Miên – Lào để họ lãnh đạo cuộc kháng chiến của hai dân tộc ấy giành thắng lợi cuối cùng” (Nguyen, 2005, p.129).

Ngày 11/3/1951, các đại diện của mặt trận Khome Itsarak, của Mặt trận Lào Itxala và đại diện Mặt trận Liên Việt của Việt Nam đã họp hội nghị thành lập “Mặt trận Đoàn kết Liên minh Việt – Miên – Lào”. Hội nghị xác định:

- 1) Ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia đều có kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ. Cuộc kháng chiến của ba dân tộc là một bộ phận khăng khít của phong trào hòa bình, dân chủ thế giới. Nhiệm vụ cách mạng tại ba nước Đông Dương là đánh đuổi bọn xâm lược Pháp và can thiệp Mĩ, làm cho ba nước hoàn toàn độc lập, xây dựng ba quốc gia mới, làm cho nhân dân ba nước được tự do, sung sướng và tiến bộ.
- 2) Thành lập liên minh nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau; định ra một chương trình hành động chung của liên minh ba nước...” (Ho Chi Minh, 2011, vol.6, p.436).

Các quyết định của Hội nghị thành lập Mặt trận liên minh ba nước là một bước tiến mới của sự nghiệp đoàn kết đấu tranh của nhân dân ba nước Đông Dương. Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giáo dục tinh thần quốc tế cho cán bộ và chiến sĩ Việt Nam. Trong Hội nghị liên minh ba nước Đông Dương họp tháng 9/1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Nhân dân Việt Nam hết lòng thành thật giúp đỡ nhân dân Lào, nhân dân Miên một cách vô điều kiện. Sự thật thì chưa thể tìm ra chữ gì để thay thế chữ “giúp”, chứ thực ra không phải là giúp mà là nghĩa vụ quốc tế” (War Summary Steering Committee, 2000, p.135).

Trong thư gửi các đơn vị của bộ đội Việt Nam có nhiệm vụ tác chiến ở Thượng Lào, Bác nêu rõ:

Lần này là lần đầu tiên các chú nhận nhiệm vụ quan trọng và vẻ vang như nhiệm vụ này, tức là giúp nhân dân nước bạn. Mà giúp nhân dân bạn tức là mình tự giúp mình. Để làm tròn nhiệm vụ chiến đấu, từ trên xuống dưới các chú phải: ...Nêu cao tinh thần quốc tế, tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán và kính yêu nhân dân nước bạn. (Ho Chi Minh, 2011, vol.8, p.105).

Với quan điểm đó, sự giúp đỡ của cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam đối với quân đội và nhân dân nước bạn không hàm chứa một nội dung nào khác ngoài tình đoàn kết quốc tế cao cả.

Trong cuộc chiến Đông – Xuân (1953-1954), bộ đội Việt Nam phối hợp với bộ đội Khmer giải phóng vùng Đông Bắc Campuchia, một vùng rộng lớn thuộc tỉnh Preah Vihear và vùng Đông Bắc Kongponthom, rồi xuống phía Nam Campuchia (Dang, 2004, p.222). Ở Campuchia cũng đã hình thành các vùng căn cứ kháng chiến, liên kết với vùng giải phóng của Việt Nam ở Nam Bộ và vùng giải phóng Hạ Lào (Nguyen, 2005, p.131). Chiến thắng to lớn Đông – Xuân 1953-1954, nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ đã giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao. Đây là thắng lợi của quân đội và nhân dân Việt Nam, cũng là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia, thể hiện rõ vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc đẩy mạnh quan hệ ngoại giao với nước láng giềng, đặt cơ sở cho việc hình thành mặt trận đoàn kết nhân dân và quan hệ ngoại giao giữa hai nước trong những năm tiếp theo.

2.3. Ý nghĩa, tác dụng của việc thiết lập ngoại giao với láng giềng

Trong những năm 1945-1954, trong tình cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, nhưng với tài thao lược của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng bước đẩy mạnh quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng, việc làm này có ý nghĩa quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam thể hiện trên các nội dung cơ bản sau.

Thúc đẩy quan hệ đối ngoại và xây dựng liên minh với các nước xã hội chủ nghĩa. Sự kiện ngày 18/01/1950, Trung Quốc chính thức đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam, đã phá vỡ vòng vây cô lập Việt Nam của kẻ thù, đưa cách mạng Việt Nam gắn với cách mạng thế giới. Sau sự kiện này, Liên Xô công nhận nền độc lập và đặt quan hệ với Việt Nam

(30/01/1950). Tiếp sau đó, lần lượt các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cũng đặt quan hệ ngoại giao và hợp tác với nước ta.

Đặt nền móng cho quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Mỗi quan hệ với các nước láng giềng được hình thành trong chống Pháp, tiếp tục được duy trì trong chống Mỹ và cho tới hôm nay. Việc hình thành liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào – Campuchia (1951) là cơ sở gắn kết quan hệ ba nước trong việc chống kẻ thù chung là Pháp.

Hình thành liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào – Campuchia. Những hoạt động tích cực của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kì này đã góp phần quan trọng hình thành mặt trận đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương, đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc của mỗi quốc gia. Năm 1953, để phá vỡ kế hoạch Navarre, chuẩn bị các điều kiện đánh Điện Biên Phủ, dưới sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Tổng tư lệnh,

Những hoạt động mạnh mẽ diễn ra trên khắp các chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ cùng những cuộc tấn công của bộ đội Việt – Lào vào Thượng, Trung và Hạ Lào tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng chiến lược quan trọng, làm rối loạn thế trận của Navarr trên chiến trường Đông Dương. Tại Campuchia, bộ đội Việt Nam phối hợp với bộ đội Khome giải phóng Đông Bắc Campuchia; một vùng khá rộng thuộc tỉnh Poret Vihia và Đông Bắc tỉnh Kông Pông Thom. Như vậy là cả Campuchia cũng đã hình thành các vùng căn cứ kháng chiến, liên kết với vùng giải phóng của Việt Nam và vùng giải phóng Hạ Lào. (Nguyen, 2005, p.131)

Nhờ sự giúp đỡ của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các lực lượng kháng chiến của nhân dân hai nước Lào, Campuchia ngày càng phát triển. Sự phối hợp chiến đấu giữa quân và dân ba nước đã tạo nên một thế trận tiến công uy hiếp đối phương trên toàn chiến trường Đông Dương.

Với những đóng góp như trên, việc thiết lập ngoại giao với láng giềng góp phần đặt nền móng cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng các nước này ở những giai đoạn sau thêm bền vững. Đó là cơ sở để quan hệ giữa Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia và Việt Nam – Trung Quốc có mối quan hệ gắn bó, cùng giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc kháng chiến chống Mỹ những năm 1954-1975.

3. Kết luận

Từ những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nước láng giềng trong kháng chiến chống Pháp. Có thể thấy vai trò, đóng góp của Người cho cách mạng Việt Nam nói chung và ngành ngoại giao nói riêng ở những vấn đề cụ thể sau:

Hoạt động ngoại giao phân hóa rõ giữa chính quyền Tưởng Giới Thạch và chính quyền cách mạng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xử lí rất khéo léo mối quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc dân Đảng. Người đã tận dụng mọi khả năng để hòa hoãn với Tưởng, dựa vào sự ủng hộ, bảo vệ của toàn dân đối với chính quyền nhân dân mà làm thất bại âm mưu của quân Tưởng. Đối với Đảng Cộng

sản Trung Quốc, người tìm cách kết nối và xây dựng quan hệ ngoại giao. Trong những năm đầu Việt Nam kháng chiến chống Pháp, dù Trung Quốc cũng đang trong chiến tranh giải phóng dân tộc nhưng hai bên đã có sự ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau.

Góp phần xây dựng đường lối, chính sách ngoại giao của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn 1945-1954. Kết quả ngoại giao đạt được tạo cơ sở thiết lập nền ngoại giao mới (nền ngoại giao song phương và nền ngoại giao đa phương).

Góp phần vào phong trào giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, nâng cao vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước. Đó là thắng lợi chung của ba nước Đông Dương, thể hiện sự đoàn kết cùng nhau chống giặc ngoại xâm; đồng thời cổ vũ các dân tộc bị áp bức bóc lột trên thế giới vùng dậy đấu tranh đòi độc lập, tự do.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Communist Party of Vietnam (2000). *Van kien Dang toan tap (Tap 7) [Complete Collection of Party Documents (Episode 8)]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Communist Party of Vietnam (2017). *Quan he dac biet Viet Nam - Lao (1930 - 2017) [Vietnam - Laos special relationship]*. Hanoi: Truth National Political Publishing House.
- Dang, V. T. (2004). *Hoat dong doi ngoai cua Chu tich Ho Chi Minh trong khang chien chong Phap [President Ho Chi Minh's diplomacy activities in the anti-French resistance war]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2011). *Ho Chi Minh: Toan tap (Tap 4) [Ho Chi Minh: Full episode (Episode 4)]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh. (2011). *Ho Chi Minh: Toan tap (Tap 5) [Ho Chi Minh: Full episode (Episode 5)]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2011). *Ho Chi Minh: Toan tap (Tap 6) [Ho Chi Minh: Full episode (Episode 6)]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2011). *Ho Chi Minh: Toan tap (Tap 8) [Ho Chi Minh: Full episode (Episode 8)]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh Institute (1994). *Ho Chi Minh - Bien nien tieu su (Tap 3) [Ho Chi Minh Biography Chronicle (Episode 3)]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Nguyen, D. B. (2005). *Ngoai giao Viet Nam: 1945-2000 [Vietnamese Diplomacy: 1945-2000]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Vu, K. (2010). *Chu tich Ho Chi Minh voi cong tac ngoai giao [President Ho Chi Minh with diplomacy]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- War Summary Steering Committee (2000). *Chien tranh cach mang Viet Nam, 1945-1975: Thang loi va bai hoc [Vietnam Revolutionary War, 1945-1975: Victory and lessons]*. Hanoi: National Political Publishing House.

**PRESIDENT HO CHI MINH'S DIPLOMATIC ACTIVITIES
WITH NEIGHBORING COUNTRIES IN THE ANTI - FRENCH WAR (1945-1954)**

*Nguyen Thi Ngoc Tran**, *Nguyen Thi Huong*

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Thi Ngoc Tran – Email: tranntn.hcmue@gmail.com*

Received: June 09, 2021; Revised: July 09, 2021; Accepted: July 22, 2021

ABSTRACT

After 1945, together with the fight against the French invasion, the establishment and expansion of international relations to enlist the support and help of other countries in the war were very important. Using historical and logical methods and documentation, the paper presents the diplomatic activities by President Ho Chi Minh with neighboring countries in the anti-French resistance war (1945-1954) to clarify creative leadership by President Ho Chi Minh to form the Vietnam – Laos – Cambodia alliance and search for China's support during the war in Vietnam. The article provides a comprehensive view of the historical context after 1945 and analyses the difficulties experienced by Vietnamese people and the successes achieved.

Keywords: anti-French resistance war; diplomatic activities; Ho Chi Minh; neighbouring country